

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 06/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 09 – 01 – 2020

“*V/v tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Kiệt

Các vị Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Đức Kỳ

Ông Nguyễn Văn Mầm

-Thư ký phiên tòa: Ông Lương Văn Khải là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Ngày 09 tháng 01 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 471/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2019 về việc “*Tranh chấp ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 371/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Tạ Thị T - Sinh năm 1979 (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn L - Sinh năm 1976 (Vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 10/10/2019 chị Tạ Thị T trình bày:

- *Về hôn nhân:* Chị và anh Nguyễn Văn L kết hôn với nhau vào năm 1997, không có đăng ký. Sau khi kết hôn, chị và anh L chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau. Chị và anh L đã ly thân vào năm 2015 cho đến nay. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, nay chị yêu cầu được ly hôn với anh L.

- *Về con chung:* Chị Tạ Thị T và anh Nguyễn Văn L có 02 người con chung tên Nguyễn Ngọc C, sinh ngày 24 – 3 – 1999 và Nguyễn Thị K, sinh ngày 15 – 11 – 2002, hiện nay con đang sống chung với chị T. Sau khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Thị K, chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Đối với Nguyễn Ngọc C hiện nay đã trưởng thành, có thể chất phát triển bình thường, đủ khả năng lao động nuôi sống bản thân nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Chị Tạ Thị T xác định trong thời gian chung sống chị và anh L không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Chị Tạ Thị T xác định trong thời gian chung sống chị và anh L không có nợ ai, cũng không ai nợ vợ chồng anh chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Nguyễn Văn L, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý về yêu cầu của chị T nhưng anh L không có ý kiến. Tòa án thông báo đề anh L tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai nhưng anh L vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa anh, chị được.

TÒA ÁN NHẬN ĐỊNH:

[1] Tranh chấp giữa chị Tạ Thị T và anh Nguyễn Văn L là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Anh L có địa chỉ tại ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Do điều kiện đi lại khó khăn, chị Tạ Thị T có đơn xin vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Cái Nước căn cứ vào Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và đã triệu tập anh L họp lệ đến lần thứ hai, với nội dung triệu tập anh L đến Tòa án nhân dân huyện Cái Nước để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng anh L vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với anh L.

[2] Về nội dung tranh chấp của vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy:

Về hôn nhân: Chị Tạ Thị T và anh Nguyễn Văn L kết hôn vào năm 1997, không có đăng ký kết hôn. Do đó, hôn nhân của chị T và anh L không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì không công nhận chị Tạ Thị T và anh Nguyễn Văn L là vợ chồng.

Về con chung: Hội đồng xét xử xét thấy đến ngày xét xử sơ thẩm Nguyễn Ngọc C đã trên 18 tuổi, có thể chất phát triển bình thường, tự lao động nuôi sống bản thân, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Đối với cháu Nguyễn Thị K đã trên 07 tuổi nhưng chưa đủ 18 tuổi, theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, sau khi vợ chồng ly hôn Tòa án xem xét nguyện vọng của con mà giao cho người vợ hay người chồng trực tiếp nuôi. Xét thấy từ khi chị T và anh L sống ly thân đến nay cháu K sống chung với chị T. Đồng thời, tại Biên bản lấy lời khai của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước đối với Nguyễn Thị K thì cháu K trình bày nguyện vọng sau

khi chị T và anh L ly hôn thì cháu muốn được sống với mẹ là chị T. Xét thấy, đây là ý chí tự nguyện của cháu K nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu K cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, chị T không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: Chị T xác định trong thời gian chung sống không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Chị T xác định trong thời gian chung sống không nợ ai, cũng không ai nợ vợ chồng anh chị, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Anh L vắng mặt không có ý kiến về con chung, tài sản và nợ chung nên không đặt ra xem xét. Nếu sau này giữa các bên đương sự có phát sinh tranh chấp về con chung, tài sản chung và nợ chung thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

[3] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Tạ Thị T phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 266, 271 và 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 14, 51, 53, 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Không công nhận chị Tạ Thị T và anh Nguyễn Văn L là vợ chồng.

Về con chung: Giao cho chị Tạ Thị T được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tên Nguyễn Thị K, sinh ngày 15 – 11 – 2002. Anh Nguyễn Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn L không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Tạ Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Chị T có dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004831 ngày 11 – 10 – 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước, sau khi đối trừ chị T nộp đủ án phí hôn nhân

và gia đình sơ thẩm. Anh Nguyễn Văn L không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai chị Tạ Thị T và anh Nguyễn Văn L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- Đương sự;
- Lưu VP-HS.

Trần Tuấn Kiệt